

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2015/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 07 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định
về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí, ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ; Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18 tháng 5 năm 2011 của liên Bộ: Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý

và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 10 năm 2008 của liên Bộ: Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015 của liên Bộ: Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh);

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 tháng 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 366/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên ban hành tại Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung 02 khoản phí, gồm: Phí đấu giá và Phí dự thi, dự tuyển, sơ tuyển, xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp (Đối với cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc địa phương quản lý); chi tiết như Phụ lục số I kèm theo.

2. Điều chỉnh, bổ sung 05 khoản lệ phí, gồm: Lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân, Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, Lệ phí địa chính, Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh, Lệ phí trước bạ (Đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi kể cả lái xe); chi tiết như Phụ lục số II kèm theo.

3. Điều chỉnh, bổ sung 01 đối tượng nộp và 04 đơn vị thu phí, lệ phí, gồm: Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (đối với giao dịch địa phương thực hiện), Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, Lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực, Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm (đối với giao dịch địa phương thực hiện); chi tiết như Phụ lục số III kèm theo.

4. Điều chỉnh, bổ sung quy định về tỷ lệ phân chia tiền thu được đối với 01 khoản phí và 02 khoản lệ phí, gồm: Phí dự thi, dự tuyển, sơ tuyển, xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp (Đối với cơ sở giáo dục,

đào tạo thuộc địa phương quản lý), Lệ phí đăng ký quản lý hộ khẩu, Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chi tiết như Phụ lục số IV kèm theo.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND như sau: Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- Quyết định số 08/2006/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành mức thu phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc ban hành danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền phí, lệ phí thu được trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 22/2007/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc miễn thực hiện và bãi bỏ một số khoản thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung mức thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về việc thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc quy định mức thu lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc sửa đổi, bổ sung mức thu phí thăm quan di tích lịch sử, công trình văn hóa trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Giao Cục trưởng Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thu phí, lệ phí đảm bảo đúng đối tượng, mức thu và quản lý chặt chẽ việc sử dụng các loại phí, lệ phí theo đúng chế độ, chính sách quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và điều chỉnh, bổ sung các nội dung tương ứng tại Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên quy định danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Mùa A Sơn

Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG 02 KHOẢN PHÍ

(Kèm theo Quyết định số: 12/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên)

STT	Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014		Điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
	Tên phí	Mức thu	Tên phí	Mức thu	
1	2	3	4	5	6
17	Phí đấu giá				
17.1	Mức đấu thầu đối với người có tài sản đấu giá		<i>Mức thu phí đấu giá tài sản</i>		
	- Giá trị tài sản bán được từ 1 triệu đồng trở xuống	50.000 đ	<i>Hủy bỏ</i>	<i>Hủy bỏ</i>	
	- Giá trị tài sản bán được từ trên 1 triệu đồng đến 100 triệu đồng	5% giá trị tài sản bán được	- Giá trị tài sản bán được <i>dưới 50 triệu đồng</i>	5% giá trị tài sản bán được	
	- Giá trị tài sản bán được từ 100 triệu đến 1 tỷ	6 triệu đồng cộng thêm 1,5% của phần giá trị tài sản bán được vượt quá 100 triệu đồng	- Giá trị tài sản bán được từ <i>50 triệu đến 1 tỷ đồng</i>	2,5 triệu + 1,5% giá trị tài sản bán được quá 50 triệu	
	- Giá trị tài sản bán được từ trên 1 tỷ đồng	20 triệu đồng cộng thêm 0,2% của phần giá trị tài sản bán được vượt quá 5 tỷ đồng	- Giá trị tài sản bán được từ trên <i>1 tỷ đến 10 tỷ đồng</i>	16,75 triệu + 0,2% giá trị tài sản bán được vượt 1 tỷ đồng	

				- Giá trị tài sản bán được từ trên 10 tỷ đến 20 tỷ đồng	34,75 triệu + 0,15% giá trị tài sản bán được vượt 10 tỷ đồng	
				- Từ trên 20 tỷ đồng	49,75 triệu + 0,1% giá trị tài sản bán được vượt 20 tỷ đồng. Tổng số phí không quá 300 triệu/ cuộc đấu giá	
17.2	Mức thu đấu giá đối với người tham gia đấu giá			Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản		
	- Giá khởi điểm của tài sản từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng	150.000 đ/hồ sơ		- Giá khởi điểm của tài sản từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng	100.000 đ/hồ sơ	
	- Giá khởi điểm của tài sản từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	200.000 đ/hồ sơ		- Giá khởi điểm của tài sản từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	150.000 đ/hồ sơ	
	- Giá khởi điểm của tài sản từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	250.000 đ/hồ sơ		- Giá khởi điểm của tài sản từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000 đ/hồ sơ	
	- Giá khởi điểm của tài sản từ trên 500 triệu đồng trở lên	600.000 đ/hồ sơ		- Giá khởi điểm của tài sản từ trên 500 triệu đồng trở lên	500.000 đ/hồ sơ	
17.3	Mức thu đối với việc bán đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền SDD hoặc cho thuê đất			Mức thu đối với việc bán đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền SDD hoặc cho thuê đất		

- Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:									
+ Giá trị khởi điểm của quyền sử dụng đất từ 200 triệu đồng trở xuống		150.000 đ/hồ sơ	+ Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm từ 200 triệu đồng trở xuống		100.000 đ/hồ sơ				
+ Giá trị khởi điểm của quyền sử dụng đất từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng		250.000 đ/hồ sơ	+ Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng		200.000 đ/hồ sơ				
+ Giá trị khởi điểm của quyền sử dụng đất từ trên 500 triệu đồng		600.000 đ/hồ sơ	+ Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm từ trên 500 triệu đồng		500.000 đ/hồ sơ				
- Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất khác quy định theo quy chế đấu giá QSD đất mức thu tính theo diện tích đất như sau:			- Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất khác quy định theo quy chế đấu giá QSD đất mức thu tính theo diện tích đất như sau:						
+ Diện tích đất từ 0,5 ha trở xuống		1.500.000 đ/hồ sơ	+ Diện tích đất từ 0,5 ha trở xuống		1.000.000 đ/hồ sơ				
+ Diện tích đất từ trên 0,5 ha đến 2 ha		4.000.000 đ/hồ sơ	+ Diện tích đất từ trên 0,5 ha đến 2 ha		3.000.000 đ/hồ sơ				
+ Diện tích đất từ trên 2 ha đến 5 ha		5.000.000 đ/hồ sơ	+ Diện tích đất từ trên 2 ha đến 5 ha		4.000.000 đ/hồ sơ				
+ Diện tích đất từ trên 5 ha		6.000.000 đ/hồ sơ	+ Diện tích đất từ trên 5 ha		5.000.000 đ/hồ sơ				

18	Phí dự thi, dự tuyển, sơ tuyển, xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp (Đối với cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc địa phương quản lý)		Hủy bỏ	Hủy bỏ
	- Thí sinh thuộc diện xét tuyển hoặc tuyển thẳng vào các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	30.000 đồng/hồ sơ		
	- Thí sinh đăng ký dự thi, sơ tuyển và dự thi vào các trường đại học, cao đẳng.			
	+ Phí đăng ký dự thi	60.000 đồng/hồ sơ		
	+ Phí sơ tuyển đối với các ngành năng khiếu (bao gồm tất cả các môn)	120.000 đồng/hồ sơ		
	+ Phí sơ tuyển đối với các ngành khác (bao gồm tất cả các môn)	50.000 đồng/hồ sơ		
	+ Phí dự thi văn hóa (bao gồm tất cả các môn)	45.000 đồng/hồ sơ		
	+ Phí dự thi năng khiếu (bao gồm tất cả các môn)	300.000 đồng/hồ sơ		
	- Thí sinh đăng ký dự thi, sơ tuyển và dự thi vào trường trung cấp chuyên nghiệp			
	+ Phí đăng ký dự thi	50.000 đồng/hồ sơ		
	+ Phí sơ tuyển đối với các ngành năng khiếu (bao gồm tất cả các môn)	100.000 đồng/hồ sơ		

	+ Phí sơ tuyển đối với các ngành khác (bao gồm tất cả các môn)	40.000 đồng/hồ sơ			
	+ Phí dự thi văn hóa (bao gồm tất cả các môn)	30.000 đồng/hồ sơ			
	+ Phí dự thi năng khiếu (bao gồm tất cả các môn)	200.000 đồng/hồ sơ			

Phụ lục II
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG 05 KHOẢN LỆ PHÍ

(Kèm theo Quyết định số: /2015/QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên)

STT	Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014		Điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
	Tên lệ phí	Mức thu	Tên lệ phí	Mức thu	
1	2	3	4	5	6
1	Lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân				
1.1	Lệ phí hộ tịch		Lệ phí hộ tịch		
1.1.1	Đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã, phường, thị trấn		Đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã, phường, thị trấn		
	- Khai sinh	Miễn thu	- Khai sinh	-	
	+ Khai sinh quá hạn		+ Đăng ký lần đầu	Miễn thu	
	+ Khai sinh lại		+ Đăng ký lại	5.000 đồng/lần	
	- Đăng ký kết hôn	Miễn thu	- Kết hôn	-	
			+ Đăng ký lần đầu	Miễn thu	

	- Đăng ký kết hôn lại	Miễn thu	+ Đăng ký lại	20.000 đồng/lần	
	- Đăng ký khai tử	Miễn thu	- Khai tử		
	+ Đăng ký khai tử quá hạn		+ Đăng ký lần đầu	Miễn thu	
	+ Đăng ký lại việc khai tử		+ Đăng ký lại	5.000 đồng/lần	
	- Đăng ký nuôi con nuôi	Không thu	- Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	Hủy bỏ	
1.1.3	Đăng ký hộ tịch tại Sở Tư pháp, UBND tỉnh (Đối với trường hợp người nước ngoài đăng ký kết hôn với người Việt nam, người nước ngoài xin trẻ em Việt nam làm con nuôi - Nhận con ngoài giá thú	1.200.000 đồng/trường hợp	Đăng ký hộ tịch tại Sở Tư pháp, UBND tỉnh - Nhận cha, mẹ, con	1.200.000 đồng/trường hợp	
1.2	Lệ phí đăng ký cư trú				
1.2.2	Mức thu đối với việc đăng ký và quản lý hộ khẩu tại các phường tại thành phố Điện Biên Phủ		Mức thu đối với việc đăng ký và quản lý cư trú tại các phường tại thành phố Điện Biên Phủ		

	- Cấp lại, đổi giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể - Riêng cấp đổi giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể do nhà nước đổi thay địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	- Tối đa không quá 10.000 đồng/lần đăng ký Thu không quá 8.000 đồng/lần cấp	Hủy bỏ	Hủy bỏ
1.3	Lệ phí chứng minh nhân dân			
1.3.3	Đối với việc cấp chứng minh nhân dân tại các xã, thị trấn còn lại	Bằng 50% mức thu quy định tại mục 1.3.2	Đối với việc cấp chứng minh nhân dân tại các xã, phường, thị trấn còn lại	Bằng 50% mức thu quy định tại Mục 1.3.2 Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014
2	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam			
2.3	Gia hạn giấy phép lao động	Không thu	Hủy bỏ	Hủy bỏ

3	Lệ phí địa chính				
3.1	Mức thu đối với hộ gia đình cá nhân thuộc các phường của thành phố Điện Biên Phủ và thị Mường Lay				
	- Cấp giấy chứng nhận quyền SD đất , quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất	50.000đ/ lần cấp		-	
	- Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận) cấp đổi, xác nhận, bổ sung vào giấy chứng nhận	25.000đ/ lần cấp		100.000đ/giấy	
	- Trường hợp GCN cấp cho hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất thì áp dụng mức thu)			50.000 đ/lần cấp	
	+ Cấp mới	20.000đ/ lần cấp		+ Cấp mới	20.000đ/ lần cấp
	+ Cấp lại	15.000đ/ lần cấp		+ Cấp lại	15.000đ/ lần cấp

3.3	Mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc các xã, thị trấn còn lại trên địa bàn tỉnh	Thu bằng 50% quy định trên	Mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc thị trấn, các xã thuộc thị xã, thành phố thuộc tỉnh	50% quy định tại Điểm 3.1
3.4			- <i>Lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</i> - <i>Lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc các xã còn lại trên địa bàn tỉnh (ở nông thôn)</i>	Miễn thu
3.5				Miễn thu
6	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh		Hủy bỏ	
6.1	Đối với hộ kinh doanh cá thể		Hợp tác xã, cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công, cơ sở y tế tư nhân, dân lập, cơ sở văn hóa thông tin do Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Hủy bỏ
6.2	Hợp tác xã, cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công, cơ sở y tế tư nhân, dân lập, cơ sở văn hóa thông tin do Ủy ban nhân dân quận, huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;	100.000 đồng/1 lần cấp		100.000 đồng/1 lần cấp

6.3	Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công, cơ sở y tế tư nhân, dân lập, cơ sở văn hóa thông tin, DN tư nhân, CT cổ phần, CT TNHH, CT nhà nước do UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	200.000 đồng/1 lần cấp	Liên hiệp hợp tác xã, cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công, cơ sở y tế tư nhân, dân lập, cơ sở văn hóa thông tin do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	200.000 đồng/1 lần cấp	Áp dụng theo điểm 6.2, 6.3
6.4	Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh; chứng nhận đăng ký hoạt động cho chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của doanh nghiệp	20.000 đồng/1 lần			
6.5	Cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh	2.000 đồng/1 bản			
6.6	Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh.	10.000đ/ lần cung cấp			
15	Lệ phí trước bạ (Đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi kể cả lái xe)	10%	Lệ phí trước bạ (Đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi kể cả lái xe)		
			- Đăng ký (nộp) lần đầu	10%	
			- Đăng ký (nộp) lần thứ 2 trở đi	2%	

Phụ lục III
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG 01 ĐỐI TƯỢNG VÀ 04 ĐƠN VỊ THU PHÍ, LỆ PHÍ
(Kèm theo Quyết định số: 12/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014				Điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
	TÊN PHÍ, LỆ PHÍ	ĐỐI TƯỢNG NỘP PHÍ, LỆ PHÍ	ĐƠN VỊ THU PHÍ, LỆ PHÍ	ĐỐI TƯỢNG NỘP PHÍ, LỆ PHÍ	ĐƠN VỊ THU PHÍ, LỆ PHÍ		
1	2	3	4	5	6	7	
A	PHÍ						

19	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (đối với giao dịch địa phương thực hiện)	Tổ chức, cá nhân có yêu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên, cung cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án và được cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm cung cấp thông tin	- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Môi trường và Tài nguyên; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp xã, thành phố thuộc tỉnh. - Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện ủy quyền thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân cư trú tại các xã ở xã huyện lỵ.	- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Môi trường và Tài nguyên; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp xã, thành phố thuộc tỉnh.	- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Môi trường và Tài nguyên; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp xã, thành phố thuộc tỉnh.	- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Môi trường và Tài nguyên; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp xã, thành phố thuộc tỉnh.	- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Môi trường và Tài nguyên; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp xã, thành phố thuộc tỉnh.
B	LỆ PHÍ						
2	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Người sử dụng lao động làm thủ tục để được cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam cấp giấy phép lao động và cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.	Cơ quan nhà nước được cấp phép lao động và cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.	Người sử dụng lao động làm thủ tục để được cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam cấp giấy phép lao động và cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.	Cơ quan nhà nước được cấp phép lao động và cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.	Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc và UBND cấp xã	Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc và UBND cấp xã
13	Lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực	Cá nhân, tổ chức Việt Nam hoặc cá nhân, tổ chức nước ngoài	Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố				

14	Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm (đối với giao dịch địa phương thực hiện)	Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án	- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. - Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện ủy quyền thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân cư trú tại các xã ở xã huyện lỵ.	- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.
----	--	--	---	---

Phụ lục IV

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TỶ LỆ PHÂN CHIA TIỀN THU PHÍ, LỆ PHÍ THU ĐƯỢC ĐỐI VỚI 01 KHOẢN PHÍ VÀ 02 KHOẢN LỆ PHÍ

(Kèm theo Quyết định số: 12/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên)

STT	Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014				Điều chỉnh, bổ sung		
	LOẠI PHÍ, LỆ PHÍ		NỘP NSNN	ĐỀ LẠI CHO ĐƠN VỊ THU PHÍ, LỆ PHÍ	LOẠI PHÍ, LỆ PHÍ	NỘP NSNN	ĐỀ LẠI CHO ĐƠN VỊ THU PHÍ, LỆ PHÍ

1	2	3	4	5	6	7	8
I	Đối với các loại phí						
9	Phí dự thi, dự tuyển, xét tuyển		100%	Hủy bỏ	Hủy bỏ	Hủy bỏ	
II	Đối với các loại lệ phí						
	+ Lệ phí đăng ký quản lý hộ khẩu	30%	70%	+ Lệ phí đăng ký và quản lý cư trú			
	+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	75%	25%	+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	15%	85%	